

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 8 - 2024

"Về việc Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thế; Ông Nguyễn Thái Linh
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXX-ST ngày 04/8/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1984

Trú tại: Thôn M, xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T; sinh năm 1982

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại T.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T tự do tình hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại UBND xã C (nay là xã Y) huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng năm 2015, anh Nguyễn Xuân T đi lao động tại T. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường nhưng sau đó một thời gian anh T ít liên lạc với chị, mỗi lần vợ chồng gọi điện cho nhau là xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân T có hai con chung là Nguyễn Xuân Khánh H1, sinh ngày 17/11/2015 và Nguyễn Khánh D sinh ngày 10/9/2009.

Chị có nguyện vọng giao hai con cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trong thời gian anh T không ở Việt Nam thì chị vẫn tiếp tục nuôi hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 16/02/2009 tại UBND xã C (nay là xã Y) huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân tự nguyện, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung. Năm 2015, anh đi lao động tại T. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường nhưng sau đó vì nhiều lý do cũng như khoảng cách địa lý xa xôi nên vợ chồng ít liên lạc với nhau, tình cảm không còn như trước. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Xuân Khánh H1, sinh ngày 17/11/2015 và Nguyễn Khánh D sinh ngày 10/9/2009. Anh chị thống nhất giao cả hai con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên trong thời gian anh chưa về Việt Nam thì chị H vẫn tiếp tục nuôi hai con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đơn trình bày ý kiến; đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của anh Nguyễn Xuân T gửi về chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực chữ ký, chữ viết. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh H giám định chữ ký, chữ viết của anh T trong các văn bản trên so với chữ ký, chữ viết của anh trong Giấy chứng nhận kết hôn. Tại Kết luận giám định số 1018/KL-KTHS ngày 31/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh H xác định: Chữ ký, chữ viết đề tên Nguyễn Xuân T dưới mục “Người viết đơn” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục “Người viết đơn” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ ký, chữ viết đề tên Nguyễn Xuân T dưới mục “Chồng” trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ để xác định nội dung trong các văn bản anh Nguyễn Xuân T gửi về thể hiện ý chí, nguyện vọng của anh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273, 464, 479 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 10; điểm a khoản 2 Điều 11; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV:

- Về tình cảm: Xứ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Xuân Khánh H1, sinh ngày 17/11/2015 và Nguyễn Khánh D sinh ngày 10/9/2009. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T, chị H về việc giao hai con chung cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hiện anh đang sống và làm việc tại T. Theo công văn số 627/PA08-ĐT ngày 02/7/2024 của Phòng Q Công an tỉnh H thì anh Nguyễn Xuân T đã xuất cảnh ngày 23/01/2016 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân T gửi đơn trình bày ý kiến, đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin được xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T, chị H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại UBND xã C (nay là xã Y) huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Việc kết hôn giữa anh T và chị H thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2015, anh Nguyễn Xuân T đi lao động tại T. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng vợ chồng sống mỗi người một nơi, không có điều kiện gần gũi chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hiện anh T và chị H đều thừa nhận hai bên không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa anh T và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Xuân Khánh H1, sinh ngày 17/11/2015 và Nguyễn Khánh D sinh ngày 10/9/2009. Anh T chị H thỏa thuận giao hai con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên trong thời gian anh chưa về Việt Nam thì chị H vẫn tiếp tục nuôi hai con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các con có đơn xin được ở với bố. Xét thấy, việc thỏa thuận của đương sự là phù hợp quy định pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị H.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273, 464, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Xuân Khánh H1, sinh ngày 17/11/2015 và Nguyễn Khánh D sinh ngày 10/9/2009. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H, anh T về việc giao hai con chung cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000008 ngày 08/7/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 150.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Hòa, huyện Cẩm Xuyên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Minh Thư